

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 801/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam
giai đoạn 2021 - 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030” (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Bảo tồn và phát triển làng nghề có vai trò quan trọng trong thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông thôn, tạo việc làm và nâng cao đời sống của người dân; bảo vệ, giữ gìn cảnh quan, không gian làng nghề, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nông thôn mới.

2. Bảo tồn các giá trị văn hóa làng nghề gắn với phát triển kinh tế du lịch để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, vùng, miền, địa phương khác nhau. Khai dậy tiềm năng, lợi thế, giá trị truyền thống mang dấu ấn, thương hiệu của địa phương và quốc gia thông qua phát triển sản phẩm của các làng nghề, đặc biệt là sản phẩm của làng nghề truyền thống, nghề thủ công mỹ nghệ tinh xảo gắn với việc phong tặng, tôn vinh và phát triển đội ngũ các nghệ nhân, thợ giỏi, lành nghề và người lao động ở các địa phương, làng nghề, làng nghề truyền thống.

3. Phát triển làng nghề gắn với thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu, phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tăng trưởng xanh, phát triển mô hình sản xuất tuần hoàn khép kín tiết kiệm nguyên liệu, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm của làng nghề.

4. Huy động tối đa các nguồn lực xã hội và sự hỗ trợ của Nhà nước để bảo tồn và phát triển làng nghề. Phát triển hài hòa các cơ sở ngành nghề quy mô vừa và nhỏ, đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh trong các làng nghề, kết hợp công nghệ hiện đại với công nghệ truyền thống để phát huy hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề nhằm gìn giữ và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của làng nghề Việt Nam, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng cho các sản phẩm làng nghề; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; bảo vệ cảnh quan, không gian và môi trường, xây dựng các khu dân cư, làng văn hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Khôi phục, bảo tồn được ít nhất 56 nghề truyền thống và 85 làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền;
- Công nhận mới 116 nghề và 40 làng nghề truyền thống; phát triển 181 làng nghề gắn với du lịch;
- Trên 70% làng nghề, làng nghề truyền thống hoạt động có hiệu quả;
- 80% người lao động trong làng nghề được đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng vệ sinh an toàn lao động và kiến thức công nghệ thông tin cơ bản;
- Có ít nhất 50% làng nghề truyền thống có sản phẩm được phân hạng theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

- Có ít nhất 30% số làng nghề có sản phẩm được bảo hộ sở hữu thương hiệu;
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề đạt khoảng 10%/năm;
- Thu nhập bình quân của lao động tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020;
- Nâng kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ của các làng nghề đạt khoảng 4 tỷ USD;
- 100% cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

b) Đến năm 2030

- Khôi phục, bảo tồn được ít nhất 129 nghề truyền thống và 208 làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền;
- Công nhận mới 213 nghề và 96 làng nghề truyền thống; phát triển khoảng 301 làng nghề gắn với du lịch;
- Trên 80% làng nghề, làng nghề truyền thống hoạt động có hiệu quả;
- 100% người lao động trong làng nghề được đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng vệ sinh an toàn lao động và kiến thức công nghệ thông tin cơ bản;
- Có ít nhất 50% số làng nghề có sản phẩm được bảo hộ sở hữu thương hiệu.
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề đạt khoảng 10%/năm;
- Nâng kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ của các làng nghề đạt khoảng 6 tỷ USD;
- 100% cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

III. NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Phát huy vai trò của nghệ nhân, thợ giỏi

a) Duy trì và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi, tạo nòng cốt thúc đẩy công tác đào tạo, truyền nghề, thực hành nghề thủ công truyền thống, lan tỏa các giá trị của di sản văn hóa nghề truyền thống trong cộng đồng, đặc biệt đối với thế hệ trẻ; bảo tồn, phát triển kỹ năng nghề truyền thống, sáng tạo thêm nhiều sản phẩm, tác phẩm mới có giá trị.

b) Suu tầm, lưu giữ và tổ chức trưng bày các tác phẩm tiêu biểu, đặc sắc của các nghệ nhân, thợ giỏi, nghệ nhân tiêu biểu các cấp.

c) Tổ chức phong tặng, tôn vinh các danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân, bằng vàng gia tộc nghề truyền thống Việt Nam và các sản phẩm làng nghề tiêu biểu.

2. Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống

a) Điều tra, rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại danh mục các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống và đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ, xét công nhận;

b) Xây dựng kế hoạch khôi phục, bảo tồn đối với nghề truyền thống, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền;

c) Hỗ trợ các nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận và đang hoạt động hiệu quả để phát triển và nhận rộng.

3. Phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới

a) Phục hồi, tôn tạo các di tích liên quan đến giá trị văn hóa nghề, làng nghề truyền thống (nhà thờ tổ nghề, không gian làm nghề, cảnh quan làng nghề...); khôi phục, tổ chức các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian, phát huy các giá trị văn hóa của nghề và làng nghề trong xây dựng môi trường du lịch văn hóa.

b) Tổ chức liên kết chuỗi giá trị, phát triển làng nghề gắn với du lịch, góp phần phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

4. Phát triển các làng nghề mới đảm bảo các giá trị văn hóa truyền thống, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

a) Đối với các làng đã có nghề: Khôi phục, bảo tồn, lưu giữ nét văn hóa truyền thống trong sản phẩm, bí quyết nghề, đồng thời thiết kế những sản phẩm mới phù hợp với thị trường, nâng cao năng lực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và bảo vệ cảnh quan, môi trường làng nghề.

b) Đối với các làng chưa có nghề: Thúc đẩy phát triển ngành nghề sản xuất, kinh doanh các sản phẩm theo nhu cầu của thị trường, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương thông qua các hình thức du nhập, học tập, phổ biến, nhận rộng từ các mô hình, làng nghề, làng nghề truyền thống đang hoạt động có hiệu quả.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về quy hoạch: Rà soát, sắp xếp lại các làng nghề, làng nghề truyền thống phù hợp với các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy định của pháp luật liên quan, đảm bảo đủ mặt bằng phục vụ sản xuất, bảo vệ cảnh quan, không gian và môi trường làng nghề gắn với xây dựng nông thôn mới.

2. Xây dựng tiêu chí và tổ chức đánh giá, xếp loại hoạt động làng nghề gắn với các mục tiêu phát triển bền vững; xây dựng và số hóa hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề Việt Nam.

3. Khôi phục, bảo tồn các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền

a) Suu tầm, tài liệu hóa, bảo tồn bí quyết, công nghệ cổ truyền tinh xảo, độc đáo, các sản phẩm được lưu truyền, các mẫu hoa văn truyền thống, các lễ hội truyền thống của làng nghề.

b) Đối với những nghề, làng nghề đang bị mai một và có khả năng mất đi: Xác định bảo tồn là chính; tiến hành điều tra, xây dựng dự án để duy trì các hộ hoặc nhóm hộ nghề, nghề nhân hoạt động “trình diễn” nhằm lưu giữ, truyền nghề và phục vụ nhu cầu du lịch, văn hóa.

c) Đối với những nghề, làng nghề có khó khăn: Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các nghệ nhân, thợ có tay nghề cao và các cơ sở trong làng nghề duy trì ổn định sản xuất các sản phẩm độc đáo phục vụ sinh hoạt, các lễ hội của cộng đồng, từng bước phát triển các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

4. Hỗ trợ phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống đang hoạt động có hiệu quả và làng nghề mới

a) Tập trung phát triển các làng nghề sản xuất những sản phẩm có giá trị kinh tế, hàm lượng văn hóa cao, có tiềm năng xuất khẩu lớn (chế biến nông lâm thủy sản, mây tre đan, gốm sứ, thêu dệt, chạm khắc, sơn mài, kim hoàn, sinh vật cảnh...).

b) Hỗ trợ thúc đẩy du nhập, gây dựng, phát triển làng nghề mới; phổ biến, nhân rộng nghề truyền thống ra các làng nghề mới; đẩy mạnh hỗ trợ sáng tạo phát triển sản phẩm, hình thành các cơ sở sản xuất mới tại địa phương.

c) Xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện sản xuất và bảo vệ môi trường làng nghề

- Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tôn tạo cảnh quan không gian làng nghề phục vụ sản xuất gắn với phát triển du lịch.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ môi trường, có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường và các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề thực hiện đúng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Khuyến khích việc xây dựng hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường làng nghề.

- Nghiên cứu, chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất tuần hoàn, khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất trong làng nghề tái sử dụng phụ phẩm nông lâm nghiệp để làm nguyên liệu sản xuất, tái sử dụng và xử lý chất thải phù hợp với điều kiện làng nghề, giảm thiểu ô nhiễm, thân thiện môi trường.

- Di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề và chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề theo quy định. Xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu vực đã bị ô nhiễm sau khi di dời hoặc chấm dứt hoạt động.

d) Làng nghề, làng nghề truyền thống được hưởng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Phát triển vùng nguyên liệu phục vụ làng nghề

a) Phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định, trong đó ưu tiên cho các sản phẩm chủ lực (mây tre lá, gốm sứ, thêu dệt...) tại các địa phương có điều kiện phù hợp.

b) Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân đầu tư nhằm phát triển vùng nguyên liệu có chứng chỉ bền vững, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế.

c) Phát triển các chợ, trung tâm đầu mối về nguyên liệu, phụ liệu nhằm kịp thời cung ứng cho các cơ sở sản xuất trong các làng nghề.

6. Xây dựng các trung tâm bảo tồn và phát triển các giá trị của nghề, làng nghề

a) Khuyến khích, hỗ trợ phục hồi, tôn tạo các di tích, xây dựng các bảo tàng làng nghề, khu trình diễn, không gian trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm của nghề và làng nghề gắn với thiết kế mẫu mã, đào tạo, các hoạt động thương mại sản phẩm làng nghề.

b) Ưu tiên xây dựng các trung tâm bảo tồn và phát triển các giá trị của nghề, làng nghề theo hình thức xã hội hóa, phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật liên quan: Trung tâm bảo tồn và phát triển nghề gốm sứ, sơn mài; trung tâm bảo tồn và phát triển nghề kim chỉ và giao lưu văn hóa làng nghề Việt Nam; trung tâm bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam; trung tâm bảo tồn và phát triển nghề dâu tằm tơ; không gian trưng bày, giới thiệu và trình diễn các nghề truyền thống Huế và Việt Nam; khu trưng bày, bảo tồn làng nghề gắn với du lịch.

7. Đào tạo nâng cao năng lực nghệ nhân, thợ giỏi và nguồn nhân lực phục vụ phát triển làng nghề

a) Các nghệ nhân, người lao động tại làng nghề được hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực theo quy định hiện hành.

b) Tập trung hỗ trợ, tạo điều kiện cho các nghệ nhân, thợ giỏi tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học, thiết kế mẫu mã sản phẩm và xu hướng thị trường; khuyến khích, hỗ trợ nghệ nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo, truyền nghề cho người lao động.

c) Hỗ trợ đào tạo cho người lao động tại làng nghề nâng cao trình độ kỹ năng nghề, vệ sinh an toàn lao động, kiến thức công nghệ thông tin cơ bản; hỗ trợ, đào tạo người sử dụng lao động tại làng nghề nâng cao kỹ năng quản lý, chuyển đổi số, kiến thức kinh doanh.



d) Phát triển mô hình liên kết giữa các hiệp hội chuyên ngành, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề để thực hiện công tác đào tạo nguồn nhân lực;

8. Chuyển giao khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế

a) Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ và vật liệu mới vào sản xuất, ưu tiên công nghệ thân thiện với môi trường và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo. Kết hợp công nghệ mới với kỹ thuật, công nghệ truyền thống để nâng cao hiệu quả sản xuất nhưng không ảnh hưởng đến giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ và giá trị truyền thống của sản phẩm.

b) Khuyến khích các tổ chức, đơn vị nghiên cứu khoa học, cá nhân tham gia các chương trình, đề tài khoa học, dự án khôi phục kỹ thuật nghề truyền thống, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ kết hợp với sử dụng kỹ thuật, công nghệ truyền thống, nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm mới của làng nghề.

c) Khuyến khích sự liên kết giữa các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành thiết kế, các chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực sáng tạo với các làng nghề, cơ sở sản xuất để thiết kế, cải tiến mẫu mã sản phẩm, phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

d) Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, xúc tiến thương mại và phát triển du lịch làng nghề.

đ) Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp cải thiện điều kiện sản xuất, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

9. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu

a) Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế, xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm làng nghề theo các chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại, Chương trình OCOP; hỗ trợ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tại làng nghề xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu, quảng bá sản phẩm, bán hàng trực tuyến.

b) Xây dựng các điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các chợ, cửa hàng, trung tâm thương mại, các trạm nghỉ ven đường quốc lộ, điểm du lịch để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm.

c) Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, hệ thống truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, bộ nhận diện thương hiệu cho các sản phẩm; hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể sản xuất tại các làng nghề lập hồ sơ tham gia đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP.

d) Hỗ trợ phát triển thương hiệu các sản phẩm làng nghề của đồng bào các dân tộc Việt Nam phục vụ xuất khẩu và xuất khẩu tại chỗ, đặc biệt cho phân khúc thị trường cao cấp.

10. Xây dựng chuỗi liên kết giá trị làng nghề

a) Tổ chức lại sản xuất làng nghề theo hướng hình thành các chuỗi liên kết giá trị từ vùng nguyên liệu, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Phát triển kinh tế tập thể, thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia chuỗi giá trị để cung cấp các dịch vụ cho các cơ sở sản xuất, đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng hiệu quả, nâng cao giá trị sản phẩm.

b) Thiết kế, xây dựng các tuyến, điểm và tổ chức hoạt động du lịch, thăm quan, giáo dục, trải nghiệm nghề và làng nghề truyền thống, liên kết chặt chẽ với các chương trình du lịch nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của làng nghề và các sản phẩm của địa phương.

c) Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thí điểm liên kết theo chuỗi giá trị: Mô hình bảo tồn và phát triển làng nghề tiêu biểu gắn với vùng nguyên liệu có chứng chỉ; bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch; bảo tồn và phát triển nghề truyền thống gắn với xây dựng thương hiệu; ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề.

11. Nâng cao chất lượng của các hiệp hội ngành hàng

a) Hỗ trợ thành lập các hiệp hội chuyên ngành của các nhóm ngành nghề nông thôn phù hợp với quy định của pháp luật. Hỗ trợ các hiệp hội chuyên ngành xây dựng vùng nguyên liệu, đào tạo lao động, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ sản xuất, phát triển sản phẩm, xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế.

b) Các hiệp hội ngành hàng đẩy mạnh nghiên cứu, phổ biến thông tin về hội nhập kinh tế quốc tế, các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, thông tin về thị trường, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, mẫu mã sản phẩm, thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và quốc tế để các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nắm bắt cơ hội, định hướng sản xuất phù hợp, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

c) Chủ động xác định nhu cầu và thực hiện công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực cho các làng nghề.

12. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền.

a) Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân và xã hội về vai trò và tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

b) Đẩy mạnh truyền thông, khuyến khích liên kết, thu hút các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư cho các hoạt động bảo tồn và phát triển làng nghề; khuyến khích người dân sử dụng, trưng bày các sản phẩm của làng nghề Việt Nam.

c) Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động nhằm tôn vinh nghề nhân, thợ giỏi của làng nghề; tổ chức các lễ hội làng nghề, hội thi các sản phẩm thủ công, sản phẩm làng nghề.

13. Rà soát, hoàn thiện chính sách bảo tồn và phát triển làng nghề

a) Rà soát cơ chế, chính sách về đất đai, thu hút đầu tư, hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường, khuyến công, đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các chính sách liên quan để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề.

b) Nghiên cứu, hoàn thiện quy định phong tặng, tôn vinh danh hiệu nghề nhân, thợ giỏi; chính sách hỗ trợ nghề nhân, thợ giỏi phát triển nghề nghiệp và tham gia đào tạo, truyền nghề.

14. Các dự án ưu tiên để thực hiện Chương trình tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật liên quan; kinh phí từ các chương trình mục tiêu quốc gia, lồng ghép từ các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án liên quan; các nguồn vốn tài trợ, viện trợ, nguồn vốn hợp pháp khác từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các bộ, ngành, cơ quan liên quan của Trung ương và địa phương căn cứ nội dung của Chương trình, chức năng, nhiệm vụ được giao, các quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình. Một số yêu cầu cụ thể như sau:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối chủ trì có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn và hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình.

b) Chủ trì xây dựng tiêu chí đánh giá, xếp loại hoạt động làng nghề gắn với các mục tiêu phát triển bền vững; xây dựng và số hóa hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề Việt Nam.

c) Phối hợp với các địa phương rà soát, xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, ổn định cho phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn.

d) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với phát triển làng nghề.

đ) Phối hợp hỗ trợ thành lập và nâng cao chất lượng hoạt động các hiệp hội chuyên ngành của các nhóm ngành nghề nông thôn. Hỗ trợ các hội, hiệp hội, doanh nghiệp phối hợp với các địa phương xây dựng các trung tâm bảo tồn và phát triển các giá trị của nghề, làng nghề.

e) Tổ chức các hội chợ làng nghề, hội thi các sản phẩm thủ công mỹ nghệ thường niên để quảng bá, xúc tiến thương mại và tôn vinh các nghệ nhân, thợ giỏi.

g) Rà soát các nội dung, chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các địa phương để tổ chức quản lý và thực hiện có hiệu quả Chương trình.

h) Tổ chức kiểm tra, giám sát, định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Chương trình.

2. Bộ Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, hoàn thiện chính sách, quy định, hướng dẫn phong tặng nghệ nhân, thợ giỏi trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng và định hướng xuất khẩu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ sang các thị trường tiềm năng.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan nghiên cứu xây dựng và triển khai hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm thủ công mỹ nghệ chủ lực, sản phẩm làng nghề có tiềm năng xuất khẩu, hướng dẫn các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế.

d) Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các cụm công nghiệp để di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, làng nghề theo quy định; triển khai các nhiệm vụ khuyến công để thúc đẩy phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối với các cơ quan liên quan nghiên cứu, phổ biến, hướng dẫn, quản lý công nghệ sản xuất đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững các làng nghề.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong sản xuất, hệ thống truy xuất nguồn gốc, hệ thống mã số, mã vạch, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân, người có công bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa nghề truyền thống.

b) Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên kết với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, du lịch xây dựng các tuyến, điểm, phát triển các sản phẩm du lịch, xúc tiến du lịch gắn với các làng nghề.

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, hỗ trợ nghệ nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo, truyền nghề.

b) Nghiên cứu hỗ trợ, tổ chức cho các lao động nghề thủ công của Việt Nam tham gia các cuộc thi tay nghề thủ công mỹ nghệ khu vực và thế giới.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Rà soát, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách về đất đai, xử lý môi trường; nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến công nghệ xử lý môi trường phù hợp để hỗ trợ các làng nghề phát triển bền vững.

b) Rà soát, đánh giá và cập nhật danh sách các làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần xử lý dứt điểm; hướng dẫn biện pháp xử lý chất thải, nước thải, bảo vệ môi trường đối với những làng nghề bảo tồn để phát triển tại chỗ, xử lý các khu vực đã bị ô nhiễm sau khi di dời hoặc chấm dứt hoạt động.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề.

7. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật liên quan.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương. Chỉ đạo rà soát quy hoạch, phối hợp với các hiệp hội, doanh nghiệp và các cơ quan liên quan xây dựng đề án, dự án, mô hình, kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình tại địa phương. Chủ động bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện Chương trình.

c) Chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại nghề, làng nghề; tổ chức các hoạt động tôn vinh các sản phẩm và các nghệ nhân, thợ giỏi tiêu biểu; tổ chức khôi phục, bảo tồn các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền; phục hồi, tôn tạo các di tích, xây dựng môi trường du lịch văn hóa làng nghề; hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các làng nghề và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề.

d) Chỉ đạo tổ chức lại sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, xây dựng chuỗi liên kết giá trị làng nghề, phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học, công nghệ mới, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm làng nghề của địa phương. Hỗ trợ các sản phẩm OCOP tiêu biểu của các làng nghề tham gia các sự kiện, hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế.

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình trên địa bàn, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Chương trình, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

9. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp

Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều lệ hoạt động chủ động, tích cực phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các cơ quan liên quan tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp và hội viên tham gia thực hiện bảo tồn và phát triển làng nghề. Tổ chức thực hiện các hoạt động cụ thể phù hợp với nội dung, nhiệm vụ Chương trình; tham gia giám sát việc thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này,

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2). **MO**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành



Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
(Kèm theo Quyết định số 801 /QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí dự kiến
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
1	Các dự án xây dựng các trung tâm bảo tồn và phát triển các giá trị của nghề, làng nghề: Trung tâm bảo tồn và phát triển nghề gốm sứ; trung tâm bảo tồn và phát triển nghề sơn mài; trung tâm bảo tồn và phát triển nghề kim chỉ và giao lưu văn hóa làng nghề Việt Nam; trung tâm bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam; trung tâm bảo tồn và phát triển nghề dâu tằm tơ; không gian trưng bày, giới thiệu và trình diễn các nghề truyền thống Huế và Việt Nam; khu trưng bày, bảo tồn làng nghề gắn với du lịch	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp, hiệp hội	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2030	Nguồn vốn của các doanh nghiệp, nguồn vốn hợp pháp khác
2	Xây dựng và số hóa hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các hiệp hội và các cơ quan liên quan	2022 - 2025	Ngân sách nhà nước

3	Các dự án phát triển vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho các làng nghề (vùng nguyên liệu họ tre, song, mây, lanh, dược liệu...)	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành, cơ quan liên quan, các doanh nghiệp, hiệp hội	2022 - 2030	Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác
4	Các dự án xây dựng mô hình làng nghề tiêu biểu gắn với vùng nguyên liệu có chứng chỉ	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành, cơ quan liên quan, các doanh nghiệp, hiệp hội	2022 - 2030	Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác
5	Các dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch cho các vùng sinh thái	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành, cơ quan liên quan, các doanh nghiệp, hiệp hội	2022 - 2030	Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác
6	Các dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và các cơ quan liên quan, các doanh nghiệp	2022 - 2030	Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác
7	Các dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với du lịch	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành, cơ quan liên quan, các doanh nghiệp, hiệp hội	2022 - 2030	Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác
8	Các dự án bảo tồn, phát triển làng nghề khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Các cơ quan liên quan, doanh nghiệp, hiệp hội	2022 - 2030	Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác